

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2026/HNGĐ-ST

Ngày 21 tháng 8 năm 2026

*“V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đình Tuyên.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Y Tam Êban và ông Nguyễn Lưu Tuệ.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Dung – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhất - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 214/2026/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2026 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị V, sinh năm 2000, vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.
 - Bị đơn: anh Nguyễn Thành L, sinh năm 2000, vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.
- Cùng địa chỉ: Buôn R, xã K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Trần Thị V trình bày: Chị và anh Nguyễn Thành L tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn vào ngày 07/5/2020 tại UBND thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Nay là UBND xã K, tỉnh Đắk Lắk). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Trong quá trình chung sống giữa hai người phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, đời sống chung không còn hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nay chị nhận thấy không còn tình cảm thương yêu nhau với anh L nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Nguyễn Thành L.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Thành C, sinh ngày 24/4/2019, hiện đang ở với anh L, khi ly hôn chị đồng ý giao con chung cho anh L nuôi dưỡng con chung, chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Không có

Tại bản tự khai ngày 04/6/2026, bị đơn anh Nguyễn Thành L trình bày: Anh và chị Trần Thị V sau một thời gian tìm hiểu đã tiến hành tổ chức lễ cưới, chung sống với nhau từ tháng 10/2018, đến ngày 07/5/2020 mới đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vợ chồng anh chị chung sống đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể khắc phục được, từ đầu năm 2025 đến nay vợ chồng anh chị đã sống ly thân, nay chị V xin ly hôn thì anh không đồng ý ly hôn vì anh theo đạo Công giáo nên không được phép ly hôn. Anh không còn tình cảm với chị V nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Thành C, sinh ngày 24/4/2019, hiện đang ở với anh L, trường hợp Tòa án giải quyết cho chị V được ly hôn thì anh có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con. Hiện anh làm nghề lái xe thu nhập hàng tháng khoảng 15.000.000đ, nên bảo đảm cuộc sống của con.

Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lý do bận công việc không thể tham gia tố tụng tại Tòa án được đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh trong tất cả các buổi làm việc cũng như tại phiên tòa xét xử vụ án này.

Tại phiên tòa đại diện VKSND khu vực 5 – Đắk Lắk phát biểu ý kiến:

Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Bị đơn cư trú tại xã K, tỉnh Đắk Lắk nên Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đắk Lắk thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử trong thời hạn luật định, đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về tư cách tham gia tố tụng: Xác định nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thu thập chứng cứ Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ đúng theo quy định tại Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho ly hôn giữa nguyên đơn và bị đơn.

- Về con chung: chị V, anh L có 01 con chung là Nguyễn Thành C, sinh ngày 24/4/2019, hiện đang ở với anh L và anh có nguyện vọng nuôi con chung, khi ly hôn chị V đồng ý giao con chung cho anh L nuôi là phù hợp cần chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con, anh L không yêu cầu chị V phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập giải quyết.

- Về tài sản và nợ: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

- Về án phí ly hôn: Buộc nguyên đơn chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Trần Thị V có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Thành L. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại Buôn R, xã K, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Đắk Lắk.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt và có đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị Trần Thị V và anh Nguyễn Thành L tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 07/5/2020 tại UBND thị trấn B, huyện K (cũ), tỉnh Đắk Lắk, là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn chị V và anh L chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, thường xảy ra cãi vã, xích mích, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không khắc phục được và anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2025 cho đến nay. Nguyên đơn chị V có đơn xin ly hôn, bị đơn anh L xác định anh không còn tình cảm với chị V nữa đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa các đương sự đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị V, cho ly hôn giữa chị V và anh L là phù hợp pháp luật.

[3.2] Về con chung: Chị V và anh L có con chung là Nguyễn Thành C, sinh ngày 24/4/2019, hiện cháu đang ở với anh L, anh L có nguyện vọng được nuôi con chung, chị V đồng ý giao con chung cho anh L nuôi dưỡng, cháu Nguyễn Thành C có nguyện vọng muốn được ở với bố.

Do đó cần giao cháu Nguyễn Thành C cho anh Nguyễn Thành L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con, anh L không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Chị V có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở việc thực hiện quyền này.

[3.3] Về tài sản và nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Trần Thị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật Tố tụng dân sự, Luật Tổ tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Các điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[2] Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Vi .

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị V và anh Nguyễn Thành L.

- Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Thành L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cháu Nguyễn Thành C, sinh ngày 24/4/2019 cho đến khi đủ 18 tuổi.

Chị V có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở việc thực hiện quyền này.

- Về án phí: Chị Trần Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí tại biên lai số 0004978 ngày 07/5/2026 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 - Đắk Lắk.

Các đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS khu vực 5;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- UBND xã K, tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Đình Tuyên

